

Số: /TTr-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

## **TỜ TRÌNH**

### **Dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2023 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 (Nghị quyết số 129/2024/QH15); trên cơ sở phân công, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 (Quyết định số 568/QĐ-TTg), Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự. Bộ Tư pháp xin báo cáo Chính phủ như sau:

#### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

##### **1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Việc xây dựng Luật Tương trợ tư pháp (TTTP) về dân sự nhằm hiện thực hoá các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tăng cường hợp tác quốc tế về pháp luật và hoàn thiện pháp luật TTTP thể hiện tại Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (Kết luận số 19-KL/TW); Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới trong đó Mục B.7 đã xác định rõ nhiệm vụ phổ biến rộng rãi và tổ chức thực hiện tốt các Công ước quốc tế, Hiệp định TTTP mà Nhà nước ta đã ký kết hoặc gia nhập; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết 49) và Kết luận số 84-KL/TW, ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW (Kết luận số 84)<sup>1</sup>; Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế (Nghị quyết 22)<sup>2</sup> và phương hướng hoàn thiện thể chế,

<sup>1</sup> Mục II.2.6 Nghị quyết 49 đề ra nhiệm vụ Tổ chức thực hiện tốt các điều ước quốc tế mà Nhà nước ta đã tham gia. Tiếp tục ký kết hiệp định TTTP với các nước khác, trước hết là với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước có quan hệ truyền thống. Kết luận số 84 yêu cầu tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ tại Nghị quyết 49 còn nguyên giá trị.

<sup>2</sup> Mục III.2 Nghị quyết đề ra định hướng chủ yếu là Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã thỏa thuận

phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đề ra trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cũng đã xác định nhiệm vụ hoàn thiện pháp luật về TTTP tại mục IV.2 của Báo cáo; Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII – Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (Nghị quyết 18)<sup>3</sup>; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trong đó đưa ra quan điểm chỉ đạo là “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới<sup>4</sup>; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (Nghị quyết 27-NQ/TW)<sup>5</sup>; Nghị quyết số 36a/NQ ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử (Nghị quyết số 36a)<sup>6</sup>; Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023-2030 trong đó có nhiệm vụ giao cho Bộ Tư pháp tại III.2.e là “Giúp Chính phủ xây dựng, trình Quốc hội dự án Luật Tương trợ tư pháp dân sự”; Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030.

Thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Tư pháp đã có Tờ trình số 01/TTr-BTP ngày 11/01/2024 về đề nghị xây dựng Luật tương trợ tư pháp về dân sự trình Chính phủ. Ngày 05/3/2024, Chính phủ đã có Tờ trình số 82/TTr-CP về đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong đó có dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự.

<sup>3</sup> Mục III.1 Nghị quyết 18 đặt ra nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục cải cách hành chính mạnh mẽ, ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin

<sup>4</sup> Trong đó mục II.2 đã đặt ra nhiệm vụ là *Khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện luật pháp trực tiếp liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với Hiến pháp, tuân thủ đầy đủ, đúng đắn các quy luật của kinh tế thị trường và các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; nội luật hóa theo lộ trình phù hợp những điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*

<sup>5</sup> Mục IV.9 của Nghị quyết 27 đã đặt ra nhiệm vụ: Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; giải quyết hiệu quả các xung đột về thẩm quyền và pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia khác, bảo đảm tốt các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước Việt Nam.

<sup>6</sup> Một trong những giải pháp được nêu tại Nghị quyết là *Đẩy mạnh đổi mới, tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước*

Ngày 08/6/2023, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Trên cơ sở Nghị quyết số 129/2024/QH15, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 568/QĐ-TTg phân công Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Luật TTTP về dân sự là một trong bốn luật được tách ra từ Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 (Luật TTTP). Trong quá trình tổng kết Luật TTTP phần nội dung TTTP về dân sự, bên cạnh những bất cập chung của Luật TTTP, quy định về TTTP trong lĩnh vực dân sự còn những hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu mới của sự phát triển trong lĩnh vực này, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết, tham gia nhiều điều ước quốc tế (ĐUQT) mới trong lĩnh vực này cũng như trước các đổi mới về thích ứng linh hoạt sau đại dịch Covid-19 và tận dụng sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, có thể kể đến như:

*Một là*, Luật TTTP hiện hành chưa bao hàm hết các phạm vi TTTP hiện nay, cụ thể phạm vi điều chỉnh của Luật TTTP không bao gồm TTTP trong lĩnh vực hành chính nhưng thực tiễn thực hiện có nhiều yêu cầu TTTP để phục vụ giải quyết các vụ án hành chính.

*Hai là*, việc điều chỉnh hoạt động TTTP trong lĩnh vực dân sự chủ yếu mang tính quy trình, thủ tục ở nhiều cấp văn bản không thuận lợi cho việc áp dụng.

*Ba là*, thiếu quy định về giá trị pháp lý của kết quả TTTP do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thực hiện cũng như quy định về áp dụng pháp luật nước ngoài.

*Bốn là*, Luật TTTP chưa quy định việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế TTTP về dân sự trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết, gia nhập nhiều ĐUQT song phương và đa phương mới về TTTP trong lĩnh vực dân sự gần đây như Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước tổng đạt), Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước thu thập chứng cứ).

*Năm là*, Luật TTTP chưa tạo cơ chế để từng bước xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ để giảm tải công việc cho cơ quan nhà nước và rút ngắn thời gian thực hiện.

*Sáu là*, Luật TTTP thiếu cơ sở pháp lý để đa dạng các phương thức thực hiện TTTP mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động TTTP về dân sự.

Chính vì vậy, việc xây dựng Luật TTTP về dân sự là yêu cầu cấp thiết khách quan nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập hiện nay trong hoạt động TTTP về dân sự, đáp ứng yêu cầu của công tác này trong tình hình mới. Luật TTTP về dân sự được xây dựng trên cơ sở sửa đổi, kế thừa các quy định TTTP trong lĩnh vực dân sự còn phù hợp của Luật TTTP và các văn bản hướng dẫn thi hành, bổ sung các nội dung mới, cụ thể, chi tiết đáp ứng các yêu cầu phát triển của hội nhập quốc tế và yêu cầu, đặc thù riêng của hoạt động TTTP về dân sự.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT TTTP VỀ DÂN SỰ

### 1. Mục đích

Hoàn thiện pháp luật TTTP về dân sự theo hướng hiện đại, khả thi, thúc đẩy hợp tác quốc tế, hỗ trợ quy trình giải quyết các vụ việc dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài và vụ án hành chính được nhanh chóng, chính xác và hiệu quả; giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng có liên quan, tăng cường khả năng thực hiện quyền tiếp cận công lý của người dân; tạo nền tảng cho việc ký kết và thực hiện các ĐUQT về TTTP trong lĩnh vực dân sự.

### 2. Quan điểm

*Một là*, thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước ta về hội nhập quốc tế, cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền, đảm bảo quyền con người trong lĩnh vực tư pháp, cụ thể là:

(i) Định hướng xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, thiết lập bộ máy đủ thẩm quyền và năng lực để chỉ đạo điều hành, kiểm tra, giám sát và phối hợp các hoạt động hội nhập quốc tế tại Nghị quyết 22; hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân được nêu ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII;

(ii) Tiếp tục củng cố và tăng cường hoạt động tương trợ tư pháp của Việt Nam với các nước trong thời kỳ mới, mở rộng quan hệ quốc tế về tương trợ tư pháp được nêu ra tại Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VII;

(iii) Tổ chức thực hiện tốt các điều ước quốc tế, các hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam tham gia được đề ra tại Nghị quyết 08, Nghị quyết 49-NQ/TW, Kết luận 84-KL/TW;

(iv) Hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người tại Nghị quyết 49-NQ/TW, Kết luận 84-KL/TW;

(v) Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong đó có hoàn thiện pháp luật TTTP phù hợp với pháp luật quốc tế được nêu tại Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

(vi) Tăng cường, chủ động hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới tại Nghị quyết số 27-NQ/TW.

*Hai là*, Luật TTTP về dân sự được xây dựng trên cơ sở các định hướng chính sách xây dựng luật đã được phê duyệt và kế thừa có chọn lọc các chính sách còn phù hợp của Luật TTTP (phần về dân sự) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể các chính sách về: (i) xác định các nguyên tắc chung về thực hiện TTTP, các quy định về thành phần hồ sơ phù hợp với thông lệ quốc tế và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; (ii) xây dựng thủ tục thực hiện TTTP hoàn chỉnh, có thời gian xử lý, thực

hiện yêu cầu rõ ràng tại các cơ quan có thẩm quyền đảm bảo các yêu cầu được giải quyết nhanh, hiệu quả; (iii) chỉ định cơ quan đầu mối, cơ quan phối hợp và quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan này trong thực hiện TTTP và các chế độ báo cáo, thống kê công tác TTTP đảm bảo phù hợp chức năng của các cơ quan và nâng cao hiệu quả công tác tương trợ tư pháp. Bên cạnh đó, Luật TTTP về dân sự sẽ bổ sung các nội dung mới phù hợp với các chuẩn mực chung của thế giới, đáp ứng các yêu cầu phát triển của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, của hội nhập quốc tế nói chung và trong hoạt động TTTP về dân sự nói riêng qua đó tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về TTTP trong lĩnh vực dân sự.

*Ba là*, việc xây dựng Luật mới một mặt đảm bảo khắc phục được các hạn chế, bất cập hiện nay; mặt khác cắt giảm quy trình tiếp nhận và xử lý yêu cầu TTTP, cắt, giảm chi phí đảm bảo đổi mới bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu quả phù hợp với các định hướng lớn của Đảng tại Nghị quyết số 18; hiện đại hóa việc xử lý các yêu cầu TTTP về dân sự theo hướng áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin phù hợp với việc xây dựng Chính phủ điện tử tại Nghị quyết số 36a và đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng; đáp ứng mục tiêu đến năm 2030 là 100% hồ sơ công việc tại cấp Bộ được xử lý trên môi trường mạng được nêu ra tại Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030.

*Bốn là*, tham khảo rộng rãi, thực chất ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học và các đối tượng chịu trách nhiệm chính thi hành luật này trong quá trình xây dựng dự án Luật để đảm bảo chất lượng và khả thi.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự án Luật TTTP về dân sự theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành Trung ương, cơ quan địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học;

2. Xây dựng dự thảo Luật, tờ trình và các tài liệu có liên quan đến dự án Luật;

3. Tổ chức các hoạt động phục vụ cho việc nghiên cứu xây dựng dự án Luật, tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo với các chuyên gia về nội dung dự án Luật;...

4. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng, hoàn thiện dự án Luật: đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tư pháp để lấy ý kiến rộng rãi; gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan. Các ý kiến đóng góp đã được Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật.

5. Ngày .../.../2024, Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội đồng thẩm định dự án Luật. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

#### **IV. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT**

##### **1. Bố cục**

Dự thảo Luật TTTP về dân sự được xây dựng với bố cục gồm 06 chương, 47 điều. Cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 09 điều: từ Điều 1 đến Điều 9);

Chương II. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam (gồm 12 điều: từ Điều 10 đến Điều 21);

Chương III. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài (gồm 13 điều: từ Điều 22 đến Điều 34);

Chương IV. Chi phí thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự (gồm 02 điều: từ Điều 35 đến Điều 36);

Chương V. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan trong hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự (gồm 08 điều: từ Điều 37 đến Điều 44);

Chương VI. Điều khoản thi hành (gồm 03 điều: từ Điều 45 đến Điều 47).

##### **2. Nội dung cơ bản của dự án luật**

###### **2.1. Những quy định chung (Chương I)**

Chương này gồm 09 điều quy định: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, phạm vi tương trợ tư pháp về dân sự, giải thích một số thuật ngữ, nguyên tắc tương trợ tư pháp, áp dụng pháp luật trong tương trợ tư pháp, ngôn ngữ, hợp pháp hóa lãnh sự và triệu tập người làm chứng, người giám định.

Các quy định của Chương này cơ bản kế thừa quy định của Chương I Luật TTTP về dân sự, đồng thời có một số nội dung mới cụ thể hoá các chính sách đã được phê duyệt như sau:

*Thứ nhất*, giải thích từ ngữ (Điều 4), giải thích các thuật ngữ được sử dụng trong Luật TTTP về dân sự nhằm bảo đảm cách hiểu thống nhất: Tương trợ tư pháp; Yêu cầu tương trợ tư pháp của Việt Nam; Yêu cầu tương trợ tư pháp của nước ngoài; Giấy tờ; Đương sự.

*Thứ hai*, áp dụng pháp luật (Điều 5), bổ sung quy định điều kiện để áp dụng pháp luật nước ngoài trong trường hợp không có điều ước quốc tế (ĐUQT) hoặc ĐUQT không quy định.

*Thứ ba*, nguyên tắc TTTP về dân sự (Điều 6), sửa đổi, bổ sung quy định về nguyên tắc thực hiện TTTP về dân sự theo hướng:

(i) Không quy định trực tiếp và chặt chẽ về nguyên tắc có đi có cách tiếp cận linh hoạt hơn bằng bổ sung trường hợp có thể từ chối thực hiện TTTP của nước ngoài khi có căn cứ cho rằng nước đó không hợp tác thực hiện TTTP của Việt

Nam (điểm a khoản 2 Điều 23) để tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan có thẩm quyền Việt Nam có thể tùy từng trường hợp quyết định việc áp dụng có đi có lại trong thực hiện TTTP với phía nước ngoài nhằm mục đích bảo đảm tối đa quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp trong các vụ việc dân sự, cũng như mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này quy định cụ thể điều kiện tương trợ tư pháp trong trường hợp Việt Nam và nước ngoài chưa có điều ước quốc tế tương trợ tư pháp;

(ii) Bổ sung nguyên tắc việc thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

*Thứ tư*, về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hoá lãnh sự hồ sơ TTTP về dân sự (Điều 8), không yêu cầu các giấy tờ trong hồ sơ TTTP về dân sự phải chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hoá lãnh sự. Quy định này phù hợp với các ĐUQT về TTTP mà Việt Nam là thành viên và Nghị định 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hoá lãnh sự.

## **2.2. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp của Việt Nam (Chương II)**

Chương này gồm 12 điều, quy định về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự thủ tục tiếp nhận, chuyên yêu cầu TTTP của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam gửi đi nước ngoài, thực hiện TTTP theo phương thức điện tử, thực hiện yêu cầu TTTP khác.

Các quy định của Chương này kế thừa quy định của Chương II của Luật TTTP và nâng cấp một số quy định của Thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư Pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự lên thành luật (Điều 10, Điều 11) và bổ sung một số nội dung để cụ thể hoá chính sách đã được phê duyệt như sau:

*Thứ nhất*, thẩm quyền yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam (Điều 10), mở rộng thẩm quyền yêu cầu TTTP về dân sự so với quy định hiện hành, theo đó quy định tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự các cấp có quyền yêu cầu TTTP.

*Thứ hai*, hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự (Điều 11), giảm bớt 1 (một) loại văn bản bắt buộc trong hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự so với quy định tại Luật TTTP hiện hành.

*Thứ ba*, bổ sung quy định thêm thời hạn xử lý yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam tại các cơ quan tiếp nhận trong trường hợp yêu cầu gửi đến, kết quả nhận được tại một thời điểm có số lượng lớn hoặc yêu cầu có tính chất phức tạp (Điều 15, 16, 17). Quy định này tạo điều kiện cho cơ quan tiếp nhận có đủ thời hạn xử lý trong bối cảnh số lượng yêu cầu hàng năm đều tăng<sup>7</sup> và biên chế cho cơ quan nhà nước không được bổ sung, qua đó đảm bảo hiệu quả của hoạt động TTTP.

*Thứ tư*, thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự khác (Điều 18), quy định mới về trình tự, thủ tục thực hiện một yêu cầu thuộc phạm vi yêu cầu TTTP về dân sự

<sup>7</sup> Theo Báo cáo số 413/BC-BTP ngày 15/12/2023 của Bộ Tư pháp tổng kết thi hành Luật TTTP phần về dân sự, số tiếp nhận và chuyên thực hiện các yêu cầu TTTP trong lĩnh vực dân sự tăng dần theo các năm, thời điểm chưa có Luật TTTP, số lượt công văn, công hàm trung bình khoảng 800-1000 yêu cầu/năm, đến nay con số này đã tăng lên 3000-4000 yêu cầu/năm ở cả hai chiều.

khác cụ thể là các yêu cầu về cung cấp giấy tờ, bản án, quyết định về hộ tịch, thông tin pháp luật để giải quyết vụ việc dân sự.

*Thứ năm*, về kết quả thực hiện TTTP về dân sự (Điều 19), ghi nhận giá trị pháp lý của kết quả thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam, theo đó kết quả TTTP do Bộ Tư pháp thông báo được sử dụng trong giải quyết các vụ việc dân sự.

*Thứ sáu*, chuyển giao và thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự bằng phương tiện điện tử (Điều 20, 21), cho phép chuyển giao yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam bằng phương tiện điện tử trong trường hợp phía nước ngoài chấp nhận, ghi nhận giá trị kết quả của chuyển giao yêu cầu TTTP theo phương thức này. Đồng thời dự thảo Luật có quy định mở sẵn cơ sở pháp lý cho việc thực hiện điện tử hoá toàn trình đối với thực hiện TTTP sau này, theo đó giao Chính phủ quy định về thực hiện tương trợ tư pháp bằng phương tiện điện tử khi có đủ điều kiện và khả năng thực hiện công việc này.

### **2.3. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài (Chương III).**

Chương này gồm 13 điều quy định về thẩm quyền, hồ sơ, trình tự thủ tục tiếp nhận, chuyển, thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài gửi đến Việt Nam; từ chối, hoãn thực hiện TTTP của nước ngoài; thực hiện các yêu cầu TTTP khác; thực hiện yêu cầu TTTP theo phương thức điện tử; thu thập chứng cứ lấy lời khai trực tuyến.

Tương tự như Chương II, về cơ bản các quy định tại Chương này kế thừa quy định tại Chương II Luật TTTP hiện hành và Thông tư liên tịch số 12. Bổ sung quy định về từ chối, hoãn thực hiện TTTP; thực hiện TTTP của nước ngoài bằng phương tiện điện tử; thu thập chứng cứ qua cầu truyền hình; giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định thực hiện tổng đạt giấy tờ để cụ thể hoá các chính sách đã được phê duyệt như sau:

*Thứ nhất*, về thẩm quyền thực hiện yêu cầu TTTP (Điều 22), bổ sung và quy định cụ thể hơn về thẩm quyền thực hiện yêu cầu TTTP dân sự của nước ngoài: bên cạnh các chủ thể kế thừa từ Luật TTTP hiện hành, bổ sung 3 chủ thể gồm: (i) cơ quan, tổ chức đang lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu, chứng cứ; (ii) cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thu thập chứng cứ theo pháp luật tố tụng; (iii) doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định thực hiện việc tổng đạt giấy tờ của nước ngoài.

*Thứ hai*, từ chối hoặc hoãn thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài (Điều 23). Luật TTTP hiện hành không có quy định về từ chối, hoãn thực hiện yêu cầu TTTP của nước ngoài, mà chỉ quy định về nguyên tắc TTTP được coi là cơ sở để Việt Nam từ chối thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài. Các ĐUQT về TTTP trong lĩnh vực dân sự mà Việt Nam là thành viên có quy định về từ chối, hoãn thực hiện yêu cầu TTTP. Do đó, Luật TTTP về dân sự quy định các trường hợp từ chối/có thể từ chối, hoãn và giao Bộ Tư pháp thông báo cho cơ quan, cá nhân yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài về việc Việt Nam từ chối, hoãn thực hiện yêu cầu TTTP.



*Thứ ba*, bổ sung quy định thêm thời hạn xử lý yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài tại các cơ quan tiếp nhận trong trường hợp yêu cầu gửi đến, kết quả nhận được tại một thời điểm có số lượng lớn hoặc yêu cầu có tính chất phức tạp (Điều 27, 29). Tương tự như quy định về thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam tại các Điều 15, 16, 17, quy định này tạo điều kiện cho cơ quan tiếp nhận có đủ thời hạn xử lý trong bối cảnh số lượng yêu cầu hàng năm đều tăng và biên chế cho cơ quan nhà nước không được bổ sung, qua đó đảm bảo hiệu quả của hoạt động TTTP.

*Thứ tư*, thực hiện tổng đạt giấy tờ của nước ngoài (Điều 30), quy định cụ thể thời gian, trình tự phương thức doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định thực hiện việc tổng đạt giấy tờ của nước ngoài thực hiện tổng đạt giấy tờ.

*Thứ năm*, thực hiện yêu cầu khác của nước ngoài thuộc phạm vi yêu cầu TTTP về dân sự khác (Điều 32), tương tự thực hiện quy định TTTP về dân sự của Việt Nam (Điều 18), quy định này điều chỉnh việc thực hiện các yêu cầu về cung cấp giấy tờ, bản án, quyết định về hộ tịch, thông tin pháp luật để giải quyết vụ việc dân sự.

*Thứ sáu*, tiếp nhận, thực hiện yêu cầu TTTP của nước ngoài bằng phương tiện điện tử (Điều 32, 33), tương tự như chuyển giao yêu cầu TTTP của Việt Nam, trường hợp nước yêu cầu TTTP đề nghị chuyển giao yêu cầu TTTP bằng phương tiện điện tử, Bộ Tư pháp thống nhất với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cách thức tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu đồng thời quy định mở cho việc thực hiện điện tử hoá toàn trình đối với thực hiện TTTP, theo đó giao Chính phủ quy định về thực hiện tương trợ tư pháp bằng phương tiện điện tử khi có đủ điều kiện và khả năng thực hiện công việc này.

*Thứ bảy*, thu thập chứng cứ lấy lời khai trực tuyến của nước ngoài (Điều 34) dự thảo Luật cho phép cơ quan, người có thẩm quyền nước ngoài được thu thập chứng cứ lấy lời khai trực tuyến đối với người đang cư trú tại Việt Nam, đồng thời quy định điều kiện thực hiện, trình tự, thủ tục gửi yêu cầu cho Bộ Tư pháp xem xét, quyết định cho phép thực hiện. Quy định mới này đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong TTTP, đảm bảo cho kết quả nhanh, không tốn kém chi phí và nguồn nhân lực và yêu cầu thực tế khi nhiều quốc gia đã có yêu cầu và thực hiện yêu cầu theo phương thức này.

#### **2.4. Chi phí trong tương trợ tư pháp về dân sự (Chương IV)**

Chương này gồm 02 điều, quy định về các loại phí và chi phí phát sinh trong TTTP, về người phải nộp chi phí, trường hợp không phải nộp chi phí, giao Chính phủ hướng dẫn thực hiện thu, nộp chi phí thực tế.

Trên cơ sở quy định về chi phí TTTP tại Luật TTTP hiện hành, Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tương trợ tư pháp (Nghị định) và Thông tư liên tịch 12, toàn bộ quy định tại Chương IV đã chi tiết hơn các quy định hiện về chi phí TTTP, người có nghĩa vụ nộp chi phí, đồng thời quy định về việc không phải nộp phí, lệ phí

đối với yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài trong trường hợp Việt Nam ký kết ĐUQT (Điều 35); giao Bộ Tài chính quy định về mức thu, thẩm quyền, trình tự thu nộp chi phí thực tế.

## **2.5. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan trong hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự (Chương V)**

Chương này gồm 08 điều, quy định về chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan trong TTTP về dân sự, kinh phí thực hiện TTTP về dân sự.

Chương V đã có kế thừa và sửa đổi chủ yếu về kỹ thuật, ngôn ngữ pháp lý tại các quy định tương ứng của Luật TTTP hiện hành, Nghị định 92 của Chính phủ và Thông tư liên tịch 12 đảm bảo tính khả thi, phù hợp chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành. Dự thảo Luật bỏ quy định về chế độ báo cáo thường niên hoạt động TTTP trong đó có TTTP về dân sự của Bộ Tư pháp, Chính phủ tại Luật TTTP hiện hành.

## **2.6. Điều khoản thi hành (Chương VI)**

Chương này gồm 03 điều, quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan; hiệu lực thi hành của Luật, thời hạn xây dựng, hoàn thiện và vận hành hệ thống thông tin TTTP về dân sự trước ngày 01/01/2031; quy định chuyển tiếp đối với các yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự được lập trước ngày Luật này có hiệu lực.

Trong Chương này có quy định đáng lưu ý về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan (Điều 45), do dự thảo Luật không còn sử dụng thuật ngữ uỷ thác tư pháp nên điều này quy định về việc thay thế, sửa đổi, bổ sung cụm từ uỷ thác tư pháp, tương trợ tư pháp tại một số luật: Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Thi hành án dân sự, Luật Phá sản, Luật Phí, lệ phí. Bên cạnh đó đề cụ thể hoá giải pháp Mở rộng phạm vi TTTP về dân sự áp dụng thủ tục TTTP về dân sự để giải quyết các yêu cầu TTTP trong tố tụng hành chính tại Chính sách 1, khoản 3 điều này quy định Bổ sung Điều 370a Tương trợ tư pháp trong lĩnh vực tố tụng hành chính Chương IX Điều khoản thi hành Luật Tố tụng hành chính 93/2015/QH13 ngày 25/11/2015: “Các yêu cầu tương trợ tư pháp thực hiện theo pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự.”

## **V. Tính tổng nhất của dự thảo luật đối với các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan đến nội dung của dự thảo.**

Dự thảo luật thống nhất với các văn bản có liên quan đến TTTP về dân sự. Liên quan đến thuật ngữ “uỷ thác tư pháp”, Luật TTTP hiện hành không có quy định về khái niệm “tương trợ tư pháp” chỉ có quy định khái niệm “uỷ thác tư pháp” tại Điều 6 dẫn đến việc sử dụng tùy tiện, không thống nhất các thuật ngữ “uỷ thác tư pháp”, “yêu cầu tương trợ tư pháp”. Việc sử dụng không thống nhất thuật ngữ này cũng dẫn đến sự nhầm lẫn, chòng chẹo với “uỷ thác tổng đạt giấy tờ”, “uỷ thác thu thập chứng cứ” giữa các toà án trong nước, không thể hiện đúng, đủ bản chất của hoạt động TTTP là sự hợp tác hỗ trợ lẫn nhau giữa cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia. Để thống nhất cách hiểu về bản chất của hoạt động TTTP, dự thảo Luật đã sử dụng

thuật ngữ “tương trợ tư pháp”. Việc sửa đổi các luật có liên quan sử dụng thuật ngữ “tương trợ tư pháp) đã được xử lý tại Điều 45.

## **VI. Tính tương thích của dự thảo luật với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên**

Dự thảo Luật được xây dựng trên tinh thần nội luật tối đa các quy định có liên quan tại điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự. Do đó dự thảo Luật đảm bảo tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, Bộ Tư pháp xin kính trình Chính phủ./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (đề báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, PLQT.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hải Ninh**